

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/TCDS - ST

Ngày 12 - 5 - 2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện

2. Ông Hoàng Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-TCDS ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-TCDS ngày 24 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-TCDS ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính T

Địa chỉ: Tầng 19, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1-số 15, đường Trần Bạch Đằng, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHUN YOUNG ILL - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ - Giám đốc Khối thu hồi nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Đình Minh T, sinh năm 1999

Địa chỉ: 81 Nguyễn Trác, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/11/2021, ông Nguyễn Văn C có ký Hợp đồng cho vay số 100683793 với Công ty T để vay số tiền 101.000.000 đồng, lãi suất vay là 33,5%/năm, mục đích vay là để sửa chữa nhà ở, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản bảo đảm). Ngày 04/11/2021, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 101.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn C. Số tiền trên ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi cho Công ty T trong vòng 24 kỳ vào ngày 01 hàng tháng, mỗi kỳ trả 5.811.892 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 01/12/2021 và kỳ cuối cùng vào ngày 01/11/2023;

Ngày 15/11/2022, ông Nguyễn Văn C tiếp tục ký Hợp đồng cho vay số 101123857 với Công ty T để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 38%/năm, mục đích vay là để mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình, loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản bảo đảm). Ngày 15/11/2022, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn C. Số tiền trên ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi cho Công ty T trong vòng 12 kỳ vào ngày 01 hàng tháng, mỗi kỳ trả 1.999.346 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 01/12/2022 và kỳ cuối cùng vào ngày 01/11/2023;

Quá trình vay, ông Nguyễn Văn C đã trả cho Công ty T tổng số tiền là 116.906.000 đồng (trong đó tiền gốc là 78.560.000 đồng và tiền lãi là 38.346.000 đồng). Ngày 01/6/2023, ông Nguyễn Văn C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai hợp đồng nêu trên, mặc dù, Công ty T đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Văn C vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T. Vì vậy, Công ty T khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/5/2025 của hai Hợp đồng nêu trên cho Công ty T là 85.857.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 42.440.000 đồng, nợ lãi là 43.417.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn C có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn C không có mặt. Kết quả xác minh tại Công an và UBND xã Q cho thấy: Hiện tại ông C có mặt tại địa phương và đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do UBND xã Q tổng đạt. Như vậy, ông Nguyễn Văn C đã cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn C

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc ông Nguyễn Văn C phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 12/5/2025 cho Công ty T với số tiền là 85.857.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 42.440.000 đồng, nợ lãi là 43.417.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Công ty T có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn C, hiện tại ông Công có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, ông C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng ông Nguyễn Văn C

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng cho vay số 100683793 ngày 04/11/2021 và Hợp đồng cho vay số 101123857 ngày 15/11/2022, được ký kết giữa Công ty T và ông Nguyễn Văn C về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117,

398, 401 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, Công ty T đã giải ngân cho ông Công vay số tiền 121.000.000 đồng (cả hai hợp đồng). Quá trình thực hiện Hợp đồng ông C đã trả được tổng số tiền của hai hợp đồng là 116.906.000 đồng (trong đó tiền gốc là 78.560.000 đồng và tiền lãi là 38.346.000 đồng). Mặc dù Công ty T đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Văn C vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T. Tính đến ngày 12/5/2025, ông Nguyễn Văn C còn dư nợ tại Công ty T tổng số tiền là 85.857.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 42.440.000 đồng, nợ lãi là 43.417.000 đồng. Vì vậy, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty T. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu ông C phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 12/5/2025 với tổng số tiền 85.857.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.293.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Trả lại toàn bộ số tiền 1.760.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 398, 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho Công ty T số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/5/2025) là 85.857.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 42.440.000 đồng, nợ lãi là 43.417.000 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/5/2025) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng”.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp 4.293.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.760.000 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003283 ngày 01/02/2024 cho Công ty T

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án của Tòa án (đối với người vắng mặt)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà